|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **QUỐC HỘI**  Số: …./2019/QH14  **ĐỀ CƯƠNG** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA**

**LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỐ 80/2015/QH13**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13:

1.Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 (**Lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh**) theo hướng phải đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, trừ các tài liệu có nội dung thuộc bí mật nhà nước.[[1]](#footnote-1) Thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

2.Bổ sung Điều 51 a (**Lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự, thủ tục rút gọn)** theo hướng áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trong trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật hoặc để thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Trường hợp cần xây dựng ngay các dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để đáp ứng yêu cầu cấp thiết phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tính mạng, tài sản của Nhân dân; Trường hợp để ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định; trường hợp bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật hoặc kéo dài thời gian thực hiện thí điểm).

3. Sửa đổi khoản 6 và khoản 7 Điều 74 (**Trình tự xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một kỳ họp Quốc hội)** theo hướng giao cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trình Ủy ban thường vụ Quốc hội; Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có ý kiến khác hoặc Chính phủ có ý kiến khác đối với dự án, dự thảo không do Chính phủ trình thì báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

4. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 75 (**Trình tự xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại hai kỳ họp Quốc hội)** theo hướng:

- Trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội:

+ Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo;

+ Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo chủ trì, phối hợp với thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, Thường trực Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xây dựng dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.

+ Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo tổ chức họp có sự tham gia của cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan để thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý;

+ Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý; trường hợp cơ quan thẩm tra có ý kiến khác với ý kiến của cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo trong việc giải trình, tiếp thu, chính lý dự thảo thì đại diện cơ quan thẩm tra báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

+ Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và hoàn thiện báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trình Ủy ban thường vụ Quốc hội trên cơ sở báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội của cơ quan chủ trì thẩm tra.

- Tại kỳ họp thứ hai:

+ Đại diện Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.

+ Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có ý kiến khác hoặc Chính phủ có ý kiến khác đối với dự án, dự thảo không do Chính phủ trình thì báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định;”

5. Sửa đổi khoản 4 Điều 76 (**Trình tự xem xét, thông qua dự án luật tại ba kỳ họp Quốc hội)** theo hướng:

- Trong thời gian giữa kỳ họp thứ hai và kỳ họp thứ ba của Quốc hội:,

+ Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật;

+ Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật và xây dựng dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức phiên họp có sự tham gia của cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan để thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo luật đã được chỉnh lý;

+ Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo luật đã được chỉnh lý; trong trường hợp cơ quan thẩm tra có ý kiến khác với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật ý kiến của trong việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo thì đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

+ Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và hoàn thiện báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trình Ủy ban thường vụ Quốc hội trên cơ sở báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội của cơ quan chủ trì thẩm tra.”

6. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 77 (**Trình tự xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội)** theo hướng:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại một phiên họp theo trình tự sau đây:

+ Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, Thường trực Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo tổ chức họp có sự tham gia của cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan để thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý;

+ Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.

Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra có ý kiến khác hoặc Chính phủ có ý kiến khác với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo đối với dự án, dự thảo không do Chính phủ trình thì cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

- Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại hai phiên họp theo trình tự sau đây:

+ Trong thời gian giữa hai phiên họp, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm, Thường trực Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo sự chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo tổ chức họp có sự tham gia của cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan để thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý;

+ Tại phiên họp thứ hai, đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc chỉnh lý dự thảo.

Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra có ý kiến khác hoặc Chính phủ có ý kiến khác với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo đối với dự án, dự thảo không do Chính phủ trình thì cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 130 (**Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) theo hướng:**

- Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Nội dung thẩm định bao gồm đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo quyết định; sự cần thiết ban hành quyết định, đối với quyết định quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 28 của Luật này; Sự phù hợp của nội dung dự thảo quyết định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo quyết định với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo quyết định, nếu trong dự thảo quyết định có quy định liên quan đến thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo quyết định, nếu trong dự thảo quyết định có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành quyết định.

8. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 134 (**Thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện) theo hướng:**

- Hồ sơ, nội dung thẩm định và báo cáo thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 121 của Luật này.

- Chậm nhất là 05 ngày trước ngày Hội đồng nhân dân họp, Phòng Tư pháp gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan soạn thảo.

9. Sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 134 (**Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện) theo hướng quy định c**hậm nhất là 05 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, Phòng Tư pháp gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan soạn thảo. Nội dung thẩm định bao gồm: đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo quyết định; sự phù hợp của nội dung dự thảo quyết định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo quyết định với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo quyết định, nếu trong dự thảo quyết định có quy định liên quan đến thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo quyết định, nếu trong dự thảo quyết định có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành quyết định.

10. Sửa đổi khoản 2 Điều 146 (**Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn) theo hướng** bổ sung trường hợp để ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định; trường hợp bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật hoặc kéo dài thời gian thực hiện thí điểm.

11. Sửa đổi Điều 147 (**Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn) theo hướng bổ sung quy định** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành thông tư”.

12. Sửa đổi Điều 148 (**Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn) theo hướng bổ sung quy định về v**iệc xây dựng, ban hành thông tư của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

13. Sửa đổi khoản 1 Điều 151 (**Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật)** theo hướng quy định **t**hời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.”

**Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13**

- Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm củaLuật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/Qh13 để bảo đảm tính chính xác và thống nhất trong cách sử dụng từ ngữ pháp lý như thay cụm từ “báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức cá nhân” bằng cụm từ “bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức cá nhân” tại điểm c khoản 2 Điều 92, điểm c khoản 2 Điều 98; Thay cụm từ “bản đánh giá thủ tục hành chính” bằng cụm từ “báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính” tại điểm c khoản 2 Điều 58, khoản 4 Điều 59, điểm d khoản 2 Điều 92, khoản 5 Điều 93, điểm d khoản 2 Điều 98, điểm d khoản 2 Điều 102, khoản 5 Điều 103.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ ....... thông qua ngày ....... tháng ...... năm .....*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**  **Nguyễn Thị Kim Ngân** |

1. Thêm cụm từ trừ các tài liệu có nội dung thuộc bí mật nhà nước. [↑](#footnote-ref-1)